

Bản án số: 42/2019/DS-ST

Ngày 29/10/2019.

Về việc: “Tranh chấp về Hợp đồng
mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Huy Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Minh Quốc

2. Bà Lê Thị Thường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thắng; Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham dự phiên
tòa:** Bà Bùi P Anh; Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, An Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ kiện dân sự thụ lý số 137/2019/TLST-DS, ngày 28 tháng 8 năm 2019; Về việc: “*Tranh chấp về Hợp đồng mua bán*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2019/QĐST-DS ngày 10/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1. 1. Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1977;

1. 2. Chị Lê Thị Phụng C, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện TS, An Giang.

2. Bị đơn:

2. 1. Ông Trần Hữu H, sinh năm 1962;

2. 2. Anh Trần Thanh B, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Ấp V, xã T, huyện TS, An Giang.

(Vắng mặt bị đơn anh Trần Thanh B, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P, chị Lê Thị Phụng C và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa có nội dung như sau:* Ông Trần Hữu H có mua phân thuốc tại cửa hàng của vợ chồng anh Nguyễn Thanh P, chị Lê Thị Phụng C để canh tác lúa, mỗi vụ

lúa thanh toán thiếu lại một ít nên đến vụ Đông xuân 2019 thiếu số tiền tổng cộng là 93.000.000đ, do không khả năng trả nên ông H và con trai là anh Trần Thanh B thống nhất thỏa thuận cầm cố diện tích đất 2.738m² (đất 02 Lúa tọa lạc tại ấp Trung B I, Vĩnh Trạch) do ông Trần Hữu H đứng tên với số tiền 93.000.000đ, thời hạn cầm cố đến hết Hè thu 2020, có làm giấy cầm cố và ông H, anh B trực tiếp ký tên và có sự chứng kiến của Ban ấp. Tuy nhiên, sau khi nhận diện tích đất cầm cố và cho lại người khác thuê thì bị gia đình ông H ngăn cản không cho xuống giống và chiếm lại diện tích đất đã cầm cố nhưng không thanh toán số tiền đã nợ.

Nay anh Nguyễn Thanh P, chị Lê Thị Phụng C yêu cầu ông Trần Hữu H, anh Trần Thanh B trả lại số tiền nợ mua bán phân là 93.000.000đ, yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ khi làm giấy cầm cố đất là ngày 09/5/2019 đến nay.

** Theo bản khai của bị đơn ông Trần Hữu H và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa có nội dung:* Vào năm 2013 ông Trần Hữu H có vay của vợ chồng chị Lê Thị Phụng C, anh Nguyễn Thanh P 02 lần tiền tổng cộng là 20.000.000đ, mỗi tháng vẫn đóng lời lãi đầy đủ cho vợ chồng với lãi suất 04%/tháng. Sau đó mỗi năm thiếu lại một ít và vay thêm mỗi lần vài triệu và cộng dồn lên lãi thành vốn và kéo dài năm này qua năm khác, đến năm 2018 không có khả năng đóng lãi mấy tháng nên vợ chồng có buộc ký nợ và cầm cố 02 công đất ruộng với số tiền là 93.000.000đ, trong khi đó vợ chồng lại lấy hết thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng là gần 03 công, đồng thời khi thỏa thuận cầm cố vợ chồng thống nhất cho thuê lại canh tác nên mới chấp nhận ký giấy cầm cố nhưng vợ chồng anh P, chị C không giữ đúng lời hứa nên ông Trần Hữu H không cho người khác vào xạ lúa.

Nay vợ chồng anh Nguyễn Thanh P, chị Lê Thị Phụng C yêu cầu trả số tiền 93.000.000đ thì ông Trần Hữu H không đồng ý, chỉ chấp nhận trả số nợ vay tổng cộng là 86.000.000đ không tính lãi, yêu cầu được trả dần mỗi vụ lúa (03 tháng) 5.000.000đ đến khi hết nợ.

** Theo bản khai của bị đơn anh Trần Thanh B và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung:* Anh Trần Thanh B là con ruột của ông Trần Hữu H, số nợ mà gia đình thiếu chị C, anh P thì anh B không tham gia. Tuy nhiên, anh Trần Thanh B thừa nhận có ký vào tờ cầm cố đất ngày 09/5/2019 do đã biết được gia đình có nợ tiền phân thuốc và tiền vay nhiều năm không khả năng trả.

Nay vợ chồng anh Nguyễn Thanh P, chị Lê Thị Phụng C yêu cầu trả số nợ 93.000.000đ thì anh Trần Thanh B không đồng ý, chỉ thống nhất theo ý kiến của ông Trần Hữu H.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:* Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung

của vụ án: Nguyên đơn đưa ra được chứng cứ thể hiện bị đơn mua phân thuốc nhiều năm còn thiếu số nợ 86.686.000.000đ và lãi suất nên các bên đã thỏa thuận việc cầm cố đất, trong khi đó bị đơn cho rằng chỉ nợ 86.000.000đ do vay nhiều lần và tính lãi cao nhưng không cung cấp được chứng cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận xét như sau:

[1] *Về tố tụng*: Đây là giao dịch dân sự về hợp đồng mua bán thuộc khoản 3 Điều 26, căn cứ Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn thụ lý đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Thanh B vắng mặt lần thứ nhất nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa.

Về nội dung:

[2] Theo nội dung biên nhận ghi ngày 30/10/2018 có nội dung: “Ông Trần Hữu H còn nợ lại tiền phân của anh P 86.686.000.000đ, hẹn lại 30.01.2019 trả và chịu tiếp lãi suất”, cũng theo tờ cổ đất ghi ngày 09/5/2019 đã thể hiện nội dung: Ông Trần Hữu H, anh Trần Thanh B có cầm cố diện tích đất 2.738m² (tọa lạc tại ấp Trung B Nhất, xã Vĩnh Trạch) thời hạn 01 năm từ vụ Đông xuân 2019 đến vụ Đông xuân 2020 với số tiền là 93.000.000đ. Theo phía nguyên đơn anh P, chị C thì đến ngày 30/10/2018 số nợ phân thuốc ông Trần Hữu H thiếu là 86.686.000đ và tính lãi dồn lại tổng cộng là 93.000.000đ và không khả năng trả nên đã viết giấy cổ đất số tiền 93.000.000đ, mặc dù sau đó bị đơn đã ngăn cản không cho xạ lúa và đã lấy lại diện tích đất cổ nhưng vẫn chưa thanh toán số tiền nợ nên yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã nợ; Quá trình thu thập chứng cứ, mở phiên họp, hòa giải cũng như tại phiên tòa phía bị đơn thừa nhận có ký biên nhận nợ ngày 30/10/2018 số tiền là 86.686.000đ nhưng cho rằng đây là nợ vay và lãi suất cao nhưng lại không đưa ra được chứng cứ khách quan để chứng minh và thừa nhận đến nay vẫn chưa thanh toán lại số nợ cho nguyên đơn, trong khi đó đã có đủ căn cứ xác định đây là nợ phân và đến ngày 30/10/2018 ông Trần Hữu H đã nợ số tiền 86.686.000đ. Mặc dù sau đó vào vụ Đông xuân và Hè thu năm 2019 giữa hai bên vẫn còn quan hệ mua bán nhưng số lượng không đáng kể, theo tính toán 02 số do ông Trần Hữu H cung cấp thì tổng số giá trị hàng hóa đã mua và số tiền đã trả 10.000.000đ vào ngày 04/4/2019 là tương đương nhau và phía anh P, chị C thừa nhận nên sau khi khấu trừ thì số nợ không phát sinh thêm. Như vậy, theo yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số nợ tiền phân thuốc 93.000.000đ là không phù hợp mà chỉ chấp nhận số nợ bị đơn còn nợ tổng cộng là 86.686.000đ.

[3] Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu lãi suất chậm trả tiền theo mức lãi suất ngân hàng quy định đến khi thanh toán xong. Xét thấy, theo

quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự quy định: “Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”. Do đó, theo yêu cầu của nguyên đơn là tính lãi trên số nợ 93.000.000đ và kể từ ngày 09/5/2019 là không phù hợp nên cần xem xét tính toán lại cụ thể như sau:

+ Số nợ 86.686.000đ từ ngày 30/10/2018 đến ngày xét xử (tức ngày 29/10/2019) làm tròn là 12 tháng, lãi suất 0,83%/tháng;

+ Số lãi: $86.686.000đ \times 0,83\% \times 12 \text{ tháng} = 8.633.000đ$;

+ Tổng cộng vốn, lãi: $86.686.000đ + 8.633.000đ = 95.319.000đ$.

Như vậy, cần phải buộc bị đơn có trách nhiệm trả số nợ phân thuộc vốn, lãi cho nguyên đơn với số tiền nêu trên là phù hợp và đúng quy định.

[4] Việc thỏa thuận cầm cố diện tích đất 2.783m² tọa lạc tại ấp Trung B Nhất, xã Vĩnh Trạch là trái quy định pháp luật nhưng do các bên không đề cập tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét. Ngoài ra, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với những nhận định trên nên được chấp nhận. Bên cạnh đó, do số nợ này anh Trần Thanh B đã biết, thừa nhận và ký giấy đồng ý cầm cố đất của gia đình nên phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn.

[5] *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*: Do ông Trần Hữu H, anh Trần Thanh B bị buộc trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật, tuy nhiên do có đơn xin xem xét miễn giảm án phí do gia đình gặp khó khăn và có chính quyền địa P xác nhận nên được chấp nhận cho giảm 50% số tiền án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92; Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Xử*: Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Nguyễn Thanh P, chị Lê Thị Phụng C. Buộc ông Trần Hữu H, anh Trần Thanh B có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Thanh P, chị Lê Thị Phụng C số nợ tiền phân thuộc vốn, lãi tổng cộng là 95.319.000đ (Chín mươi lăm triệu ba trăm mười chín ngàn đồng).

- *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*:

+ Ông Trần Hữu H, anh Trần Thanh B phải chung chịu 4.765.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, do được giảm 50% nên ông H, anh B chỉ phải nộp số tiền 2.382.500đ

+ Anh Nguyễn Thanh P, chị Lê Thị Phụng C không phải chịu án phí nên được hoàn lại 2.325.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 0000457 ngày 27/8/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, An Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt tham dự phiên tòa biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án (có lý do chính đáng) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang.
- VKSND H.Thoại Sơn.
- Chi cục THADS H.Thoại Sơn.
- Các đương sự (Để thi hành).
- Lưu văn phòng.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa